

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 3 năm 2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Vĩnh
2. Ông Nguyễn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2020/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn K, xã X, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Anh Lê Minh N, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Minh N ngày 05/12/2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Sông Lô. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh N được khoảng 06 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N không chịu khó làm ăn và vợ chồng bất đồng quan điểm phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hơn nữa anh N cũng không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau và chị về nhà mẹ đẻ ở tại thôn K, xã X, huyện Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang từ năm 2018 đến tháng 01 năm 2020 thì về đoàn tụ. Tuy nhiên khi về chung sống anh N không thay đổi, tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2020 chị lại về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Hoàng Ánh N, sinh ngày 24/12/2017; hiện nay con đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Hiện nay chị đang làm nghề kinh doanh bán quần áo với thu nhập khoảng từ 05.000.000 đồng đến 06.000.000 đồng/tháng, chị xác định điều kiện kinh tế đủ đảm bảo nuôi con và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Minh N đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, phiên hòa giải. Anh N cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn và nuôi con chung của chị N. Tại phiên tòa hôm nay anh N cũng vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai bà Phạm Thị N (mẹ đẻ anh N), tiến hành xác minh tại UBND xã N đều xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị N N là trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ lâu, anh N đi làm ăn tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ và thường xuyên có mặt tại địa phương, anh N có biết việc chị N xin ly hôn và có thông tin với gia đình là đồng ý ly hôn nhưng từ chối đến Tòa án làm việc nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật như vắng mặt không có lý do từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Lê Minh N.

Về nuôi con chung: Đề nghị giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Quyền thăm nuôi con không ai được cản trở.

Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Lê Minh N đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy bị đơn là anh Lê Minh N vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Lê Minh N kết hôn ngày 05 tháng 12 năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Sông Lô là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình vợ chồng chung sống theo chị N không được hạnh phúc do trong thời gian vợ chồng chung sống anh N không chịu khó làm ăn, vợ chồng bất đồng về quan điểm làm ăn kinh tế và vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2020. Do vậy chị xác định không còn tình cảm và không thể chung sống cùng anh N và đề nghị giải quyết ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai bà Phạm Thị N (mẹ đẻ anh N) thể hiện vợ chồng anh chị N có xảy ra mâu thuẫn đã ly thân từ tháng 4 năm 2020. Hiện nay anh N đi làm ăn tại Thành phố V và thường xuyên có mặt tại địa phương. Bà là người nhận thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản và các giấy triệu tập của Tòa án và bà đã thông báo cho anh N được biết về nội dung các văn bản bà đã nhận. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N đều thể hiện anh N đi làm ăn và vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương, quá trình vợ chồng anh N và chị N chung sống có nhiều mâu thuẫn và

vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh N không có biện pháp nào cải thiện mối quan hệ tình cảm giữa vợ chồng. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh N đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị N xin ly hôn anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh N biết việc mình được Tòa án triệu tập để giải quyết việc chị N xin ly hôn anh nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án làm việc thể hiện anh N cố tình gây khó khăn cho chị N và không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Lê Minh N.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh N có một con chung là Lê Hoàng Ánh N, sinh ngày 24/12/2017; hiện nay con đang ở cùng chị. Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con của chị N thấy rằng hiện nay chị N đang làm nghề kinh doanh bán quần áo với thu nhập khoảng từ 05.000.000 đồng đến 06.000.000 đồng/tháng, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt và ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của con, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chấp nhận sự tự nguyện của chị về việc không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và các nghĩa vụ dân sự: Chị N không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Lê Minh N.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Chị Hoàng Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con là Lê Hoàng Ánh N, sinh ngày 24/12/2017 và hiện nay cháu N đang ở cùng chị N. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3/ Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0009158 ngày 17/12/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Khương Đặng Khánh Hằng

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.
Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng